

Đối với học sinh bán trú có TCTA

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học tăng cường tiếng anh	36,000	36,000		72,000
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	180,000	180,000		360,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000	20,000		40,000
Tiền ăn (T9/2022:19 ngày,T10/2022:21 ngày)x 30,000đ/n	570,000	630,000		1,200,000
Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú			150,000	150,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú	150,000	150,000		300,000
Tiền nước uống HS	12,000	12,000		24,000
Tiền nhân tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			58,000	58,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	1,198,000	1,258,000	370,000	2,826,000

Đối với học sinh không bán trú có TCTA

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học tăng cường tiếng anh	36,000	36,000		72,000
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	180,000	180,000		360,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền nhân tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			48,000	48,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	446,000	446,000	210,000	1,102,000

Đối với học sinh bán trú không TCTA

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	90,000	90,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000	20,000		40,000
Tiền ăn (T9/2022:19 ngày,T10/2022:21 ngày)x 30,000đ/n	570,000	630,000		1,200,000
Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú			150,000	150,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú	150,000	150,000		300,000
Tiền nước uống HS	12,000	12,000		24,000
Tiền nhân tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			58,000	58,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	1,072,000	1,132,000	370,000	2,574,000

Đối với học sinh không bán trú không TCTA

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	90,000	90,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền nhân tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			48,000	48,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	320,000	320,000	210,000	850,000

Ngày 14 tháng 10 năm 2022

Hiệu trưởng



Nguyễn Hồng Đức

THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 9/2022, THÁNG 10/2022
KHỐI 7

Đối với học sinh bán trú có TCTA

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học tăng cường tiếng anh	36,000	36,000		72,000
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	180,000	180,000		360,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000	20,000		40,000
Tiền ăn (T9/2022:19 ngày, T10/2022:21 ngày)x 30,000đ/ng	570,000	630,000		1,200,000
Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú			150,000	150,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú	150,000	150,000		300,000
Tiền nước uống HS	12,000	12,000		24,000
Tiền nhân tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			58,000	58,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	1,198,000	1,258,000	370,000	2,826,000

Đối với học sinh không bán trú có TCTA

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học tăng cường tiếng anh	36,000	36,000		72,000
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	180,000	180,000		360,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền nhân tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			48,000	48,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	446,000	446,000	210,000	1,102,000

Đối với học sinh bán trú không TCTA

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	90,000	90,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000	20,000		40,000
Tiền ăn (T9/2022:19 ngày, T10/2022:21 ngày)x 30,000đ/ng	570,000	630,000		1,200,000
Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú			150,000	150,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú	150,000	150,000		300,000
Tiền nước uống HS	12,000	12,000		24,000
Tiền nhân tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			58,000	58,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	1,072,000	1,132,000	370,000	2,574,000

Đối với học sinh không bán trú không TCTA

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	90,000	90,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền nhân tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			48,000	48,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	320,000	320,000	210,000	850,000

Ngày 14 tháng 10 năm 2022

Hiệu trưởng



Nguyễn Hồng Đức

**THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 9/2022, THÁNG 10/2022
KHỐI 8**

Đối với học sinh bán trú

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	90,000	90,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000	20,000		40,000
Tiền ăn (T9/2022:19 ngày, T10/2022:21 ngày)x 30,000đ/t	570,000	630,000		1,200,000
Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú			150,000	150,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú	150,000	150,000		300,000
Tiền nước uống HS	12,000	12,000		24,000
Tiền nhận tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			58,000	58,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền học nghề			105,000	105,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	1,072,000	1,132,000	475,000	2,679,000

Đối với học sinh không bán trú

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	90,000	90,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền nhận tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			48,000	48,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền học nghề			105,000	105,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	320,000	320,000	315,000	955,000

Ngày 14 tháng 10 năm 2022

Hiệu trưởng



Nguyễn Hồng Đức

**THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 9/2022, THÁNG 10/2022
KHỐI 9**

Đối với học sinh bán trú có TCTA

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học tăng cường tiếng anh	36,000	36,000		72,000
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	180,000	180,000		360,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000	20,000		40,000
Tiền ăn (T9/2022:19 ngày,T10/2022:21 ngày)x 30,000đ/ngày	570,000	630,000		1,200,000
Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú			150,000	150,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú	150,000	150,000		300,000
Tiền nước uống HS	12,000	12,000		24,000
Tiền nhận tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			58,000	58,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	1,198,000	1,258,000	370,000	2,826,000

Đối với học sinh không bán trú có TCTA

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Học tăng cường tiếng anh	36,000	36,000		72,000
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	180,000	180,000		360,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền nhận tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			48,000	48,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	446,000	446,000	210,000	1,102,000

Đối với học sinh bán trú không TCTA

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	90,000	90,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền vệ sinh bán trú	20,000	20,000		40,000
Tiền ăn (T9/2022:19 ngày,T10/2022:21 ngày)x 30,000đ/ngày	570,000	630,000		1,200,000
Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú			150,000	150,000
Tiền tổ chức phục vụ bán trú	150,000	150,000		300,000
Tiền nước uống HS	12,000	12,000		24,000
Tiền nhận tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			58,000	58,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	1,072,000	1,132,000	370,000	2,574,000

Đối với học sinh không bán trú không TCTA

Nội dung	Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	NH 2022-2023	Thành tiền
Tiền học 2 buổi/ngày	150,000	150,000		300,000
Tiền học Tiếng anh với giáo viên bản ngữ	90,000	90,000		180,000
Tiền học kỹ năng sống	80,000	80,000		160,000
Tiền nhận tin số liên lạc điện tử (HS có đăng ký tham gia)			100,000	100,000
Tiền phủ hiệu-số hiệu, sổ liên lạc, sổ báo bài...			48,000	48,000
Tiền giấy, in đề kiểm tra			12,000	12,000
Tiền Bảo hiểm tai nạn (Nếu HS có tham gia)			50,000	50,000
Tổng cộng:	320,000	320,000	210,000	850,000

Ngày 14 tháng 10 năm 2022

Hiệu trưởng



Nguyễn Hồng Đức